

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CÀ MAU  
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 276/2022/HNGĐ-ST

Ngày 14 -11 - 2022

“V/v xin ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Kim Cương.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Hoàng Kha

Ông Ngô Hoàng Sơn

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Bích Như – Là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 14 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau. Xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 490/2022/TLST -HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 298/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị G, sinh năm: 1990;

Nơi thường trú: Ấp X, xã B, thành phố M, tỉnh Cà Mau;

Chỗ ở hiện nay: Ấp Đ, xã L, thành phố M, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

***- Bị đơn:*** Anh Lê Công T, sinh năm: 1992;

Cư trú tại: Ấp X, xã B, thành phố M, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn chị Nguyễn Thị G trình bày tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa như sau:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Lê Công T tự nguyện chung sống vào năm 2013, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Cà Mau. Trong thời gian chung sống đến năm 2020 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ chồng thường xuyên cãi nhau và đã ly thân với nhau từ năm 2020 đến nay. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị và anh T có 01 người con chung tên Lê Minh N, sinh ngày 03/11/2014, hiện đang sống cùng chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu nuôi con chung. Tại đơn kiện và quá trình giải quyết vụ án chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng, nhưng tại phiên tòa chị G xác định không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị xác định không nợ ai, không ai nợ anh, chị.

*Bị đơn anh Lê Công T trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau:*

- Về hôn nhân: Về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn đúng như chị G trình bày. Trong thời gian chung sống đến năm 2020 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ chồng thường xuyên cãi nhau và đã ly thân với nhau từ năm 2020 đến nay. Nay chị G yêu cầu ly hôn, anh đồng ý.

- Về con chung: Anh và chị G có 01 người con chung tên Lê Minh Nhựt, sinh ngày 03/11/2014, hiện đang sống cùng chị G. Khi ly hôn, anh đồng ý giao con chung cho chị G nuôi, anh không đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con như chị G yêu cầu, khi nào anh có tiền thì anh tự cho con.

- Về tài sản chung: Anh xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Anh xác định không nợ ai, không ai nợ anh, chị.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Công T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập xét xử lần thứ hai theo quy định nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nội dung tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị G và anh Lê Công T được xác định là tranh chấp về ly hôn, bị đơn anh Lê Công T có nơi cư trú tại xã B, thành phố M nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị G và anh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã P, huyện N theo quy định nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp bảo vệ. Quá trình chung sống do có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau nên chị G và anh T đã ly thân từ năm 2020 đến nay, mỗi người có cuộc sống riêng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên hiện chị G xin ly hôn anh T đồng ý.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc thuận tình ly hôn giữa chị G và anh T là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về con chung: Chị G và anh T có 01 người con chung tên Lê Minh Nhựt, sinh ngày 03/11/2014, hiện đang sống cùng chị G. Khi ly hôn, chị G yêu cầu nuôi cháu N, anh T thống nhất giao con chung cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy thỏa thuận của chị G và anh T phù hợp với ý kiến nguyện vọng của cháu N, hiện cháu N đang sống cùng chị G nên giao cháu N cho chị G tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị G không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị G, anh T xác định không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Chị G và anh T khai vợ chồng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị G phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị G đối với anh Lê Công T.

Về con chung: Giao con chung tên Lê Minh N, sinh ngày 03/11/2014 cho chị G tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh T được có quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, chị G không được ngăn cản.

Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: 300.000 đồng chị Nguyễn Thị G phải nộp, chị G đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0001966 vào ngày 21/9/2022 được chuyển thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

*Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Chị G có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

#### **Nơi nhận:**

- TAND Tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- UBND xã P, huyện N;
- Đường sự;
- Lưu Hồ sơ,
- Lưu Toà án Tp Cà Mau.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Kim Cương**